

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2026

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026				
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn		
									Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp	Nguồn thu tiền sử dụng đất
TỔNG SỐ			1.379.911,005	-	337.861,947	279.650,405	41.360,000	17.173,052	3.510,000	-	37.850,000
I	Danh mục công trình hoàn thành đưa vào sử dụng từ năm 2025 trở về trước		134.036,528	-	130.774,760	82.300,772	11.860,000	11.860,000	-	-	11.860,000
1	Tuyến từ xi phông gò Mèo đến cống ông Bàn thôn Ngọc An Trung	2020-2021	562,358		504,576	469,118	35,458	35,458			35,458
2	Mở rộng, bê tông xi măng và lắp lan can tuyến đường kè sông Xường	2023	5.977,449		5.977,449	3.919,939	200,000	200,000			200,000
3	Đèn tín hiệu giao thông giao nhau giữa đường Đào Duy Từ và đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	2023	906,392		906,392	571,296	100,000	100,000			100,000
4	Di dời HT điện Tuyến đường từ QL 1A (Cầu Vỹ) đến đường ĐT.638 Khu phố Ngọc An Tây	2023	1.090,676		1.090,676	550,000	100,000	100,000			100,000
5	Đường vào nghĩa trang nhân dân Cây Cầy, khu phố Ngọc Sơn Nam	2024-2025	859,386		859,386	148,510	100,000	100,000			100,000
6	Trồng cây xanh bổ sung giải phân cách đường Phan Đình Phùng	2024-2025	141,217		141,217	0,728	140,489	140,489			140,489
7	Di dời hệ thống điện hạ áp để thi công công trình: tuyến đường từ cầu Mương Cát khu phố Bình Phú đến ao Cát khu phố Ngọc An Đông (giai đoạn 2)	2024-2025	596,133		596,133	3,073	100,000	100,000			100,000
8	Bê tông xi măng tuyến đường vào nghĩa địa Ngọc An Tây	2024-2025	533,784		533,784	89,464	100,000	100,000			100,000
9	Nghĩa trang liệt sĩ, HM: Nâng cấp, xây dựng mới 500 mộ Liệt sĩ	2022-2023	2.947,115		2.947,115	2.858,942	88,173	88,173			88,173
10	Tuyến đường từ ngã ba cống chào đến sông xường	2019-2023	11.540,342		11.332,957	11.328,166	4,791	4,791			4,791
11	Trồng cây xanh đường Phan Đình Phùng	2024	465,089		465,089	264,891	100,000	100,000			100,000

STT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026				
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn		
									Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp	Nguồn thu tiền sử dụng đất
12	Xây dựng, nâng cấp sửa chữa, mở rộng tuyến từ cầu Mương Cát khu phố Bình Phú đến ao Cát khu phố Ngọc An Đông (giai đoạn 2)	2023-2024	1.123,981		1.123,981	367,800	100,000	100,000			100,000
13	Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường Nguyễn Thị Định (đoạn từ cầu Mương Cát khu phố Bình Phú đến cầu Dừa)	2023-2024	6.331,409		6.331,409	3.586,855	200,000	200,000			200,000
14	Lát đá khu vực nhà làm việc UBND Phường	2025	1.054,453		1.054,453	5,440	150,000	150,000			150,000
15	Di dời hệ thống điện tuyến ngã ba công chào đến sông xường	2021-2022	1.015,696		1.015,696	350,000	200,000	200,000			200,000
16	Khu dân cư dọc kè sông xường, Khu phố Tài lương 1	2023-2024	1.779,248		1.779,248	1.000,000	100,000	100,000			100,000
17	Công viên cây xanh trước khu hành chính phường Hoài Thanh Tây	2021-2022	5.391,860		5.391,860	5.217,529	100,000	100,000			100,000
18	Nâng mặt bằng, cải tạo trước trường THCS và trường tiểu học số 1 Hoài Thanh Tây	2024-2025	341,876		341,876	261,822	80,054	80,054			80,054
19	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm văn hoá và Nhà làm việc UBND phường Hoài Thanh Tây	2024-2025	1.054,453		1.054,453	3,705	200,000	200,000			200,000
20	Lát đá vỉa hè trước cơ quan phường và hạ tầng kỹ thuật nối vào Quốc lộ 1A tại Km 1136+680 (P)	2023	772,525		772,525	49,222	150,000	150,000			150,000
21	KDC khu phố Tài Lương 1, phường Hoài Thanh Tây	2022	2.523,964		2.523,964	2.203,349	150,000	150,000			150,000
22	Di dời hệ thống điện tuyến từ trường mẫu giáo KP Tài Lương 3 đến chùa Họ Lê KP Tài Lương 4	2023-2024	1.667,612		1.667,612	424,610	100,000	100,000			100,000
23	Bê tông và thảm nhựa đường phía tây khu hành chính	2024-2025	1.086,625		1.014,659	-	100,000	100,000			100,000
24	Nâng cấp, mở rộng bê tông tuyến đường Mai Xuân Thưởng (Lý trình: Nhà ông Có đến nhà ông Lộc)	2022-2023	2.415,080		2.415,080	1.926,600	100,000	100,000			100,000
25	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ nhà Văn Hóa Cửu Lợi Nam - ĐT 639	2022-2023	5.971,281		5.946,119	3.894,239	200,000	200,000			200,000
26	Xây dựng hệ thống thoát nước từ Nhánh Giữa Kho đến ngã 3 cầu Cộng Hòa, khu phố Cửu Lợi Nam	2022	3.493,974		3.493,974	2.867,905	150,000	150,000			150,000
27	Xây dựng đèn tín hiệu giao thông ngã tư ông Hiến	2023	988,926		988,926	609,498	100,000	100,000			100,000

STT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026				
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn		
									Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp	Nguồn thu tiền sử dụng đất
28	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường bê tông trục chính phường (Tuyến từ ngã ba Cửu Lợi Nam -Nhánh Giữa Kho)	2021-2022	4.527,302		4.527,302	4.055,859	100,000	100,000			100,000
29	Xây dựng đường bê tông từ cầu Bà Xạ đến nhà Bà Hoãn	2021-2023	1.489,905		1.486,583	822,579	150,000	150,000			150,000
30	Cầu bà Xạ, phường Tam Quan Nam	2022	1.295,599		1.295,599	1.050,172	100,000	100,000			100,000
31	Trồng cây xanh tuyến đường từ Nhánh Giữa Kho đến ngã 3 cầu Cộng Hòa, khu phố Cửu Lợi Nam	2022-2023	451,501		451,501	350,840	100,661	100,661			100,661
32	Xây dựng hệ thống thoát nước mưa và đường giao thông khu dân cư Sao Đêm	2022	852,976		850,727	588,437	100,000	100,000			100,000
33	Xây dựng taluy chống xói lở tuyến đường từ dốc ông Trần đến khu dân cư Tăng Long 2	2022	723,641		721,736	250,000	149,965	149,965			149,965
34	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường nhà ông Trường đến nhà bà Nhung	2022-2023	1.583,800		1.583,579	806,812	150,000	150,000			150,000
35	Xây dựng điện chiếu sáng khu phố Cửu Lợi Nam	2022-2023	980,334		977,775	761,797	100,000	100,000			100,000
36	Xây dựng điện chiếu sáng tuyến đường Đỗ Thanh, khu phố Cửu Lợi Nam	2022-2023	715,760		713,907	436,000	100,000	100,000			100,000
37	Nâng cấp, mở rộng tuyến (Tuyến đường từ cầu chợ Cầu - Tân Mỹ)	2022-2023	2.891,375		2.885,567	1.330,436	200,000	200,000			200,000
38	Bê tông GTNT năm 2022 Tuyến đường : Vô sân vận động phường Tam Quan Nam; Tuyến đường: nhà bà Đề - ông Bình (Trung Hóa); Tuyến đường: từ nhà ông Châu đến nhà ông Khánh (Trung Hóa)	2022-2023	303,545		302,746	114,025	100,000	100,000			100,000
39	Bê tông GTNT năm 2022 (Tuyến: Nhà ông Sơn - bà Buông; Tuyến: Nhà bà Huệ - ông Bung; Tuyến: Nhà ông Dục đến nhà ông Sửu (núi dài); Tuyến:Nhà bà Thị Yết - ông Hải (Cửu Lợi Nam)	2022-2023	669,519		667,786	320,140	100,000	100,000			100,000
40	Bê tông GTNT năm 2022: Tuyến đường: Nhà ông Lơ - giáp tuyến đường Động Rừng (Cửu Lợi Đông); Tuyến đường: Nhà ông Hải - giáp tuyến đường động (Cửu Lợi Đông)	2022-2023	315,037		314,222	168,864	145,358	145,358			145,358
41	Tuyến đường từ cầu Soi đến cầu Thiên Phước	2022-2023	1.093,776		1.090,947	998,229	92,718	92,718			92,718

STT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026				
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn		
									Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp	Nguồn thu tiền sử dụng đất
42	Xây dựng các đèn hoa khu trung tâm hành chính phường Tam Quan Nam	2023	857,007		854,792	300,000	100,000	100,000			100,000
43	Tuyến đường từ Cầu Thiên Phước - ông Đốc	2023	843,303		841,185	247,401	100,000	100,000			100,000
44	Xây dựng điện chiếu sáng từ nhà văn hóa Cửu Lợi Nam - ĐT639	2023	533,683		533,683	255,985	100,000	100,000			100,000
45	Xây dựng điện chiếu sáng từ nhà ông Trường đến nhà bà Nhung; tuyến từ nhà ông Có đến nhà ông Lộc	2022-2023	420,192		418,629	289,471	129,158	129,158			129,158
46	Xây dựng điện chiếu sáng công cộng từ Chi bộ Cửu Lợi đến giáp khu phố 9 (Tam Quan)	2023	244,376		243,168	156,000	87,168	87,168			87,168
47	Bê tông GTNT năm 2023 Tuyến ông Mười đến ông Ca, ông Ánh đến bà Thúy, ông Sơn đến bà Thân (Trung Hóa)	2023-2024	395,417		394,376	266,503	127,873	127,873			127,873
48	Bê tông GTNT năm 2023 Tuyến ông Bô đến ông Sứ; ông Minh đến ông An; ông Tấn đến bà Năm; ông Thanh đến ông Giáo; ông Bình đến bà Cúc; tuyến ông Sinh đến giáp Đỗ Thanh	2023-2024	462,759		461,541	217,291	100,000	100,000			100,000
49	Xây dựng điện chiếu sáng ngõ hẻm tuyến đường Trần Lê và Võ Nguyên Giáp (Tầng Long 2)	2023-2024	929,920		922,814	35,942	100,000	100,000			100,000
50	Sửa chữa phai ngăn mặn đèo Sông Dừa (Cửu Lợi Nam)	2024	172,473		172,019	-	100,000	100,000			100,000
51	Bê tông GTNT năm 2023: Tuyến nhà ông Nhiều đến nhà ông Quy, nhà ông Đi đến nhà ông Kiêm (Tầng Long 1)	2023-2024	225,132		192,174	123,260	68,914	68,914			68,914
52	Bê tông GTNT năm 2024 Tuyến từ nhà bà Dương đến bà Thi, tuyến trước Đình đến nhà ông Quốc, từ nhà ông Cảnh đến Ông Liêm (Trung Hóa)	2024-2025	139,719		139,719	60,270	79,449	79,449			79,449
53	Bê tông GTNT năm 2024 Tuyến kết nối Hà Huy Tập đến ĐT 639, từ nhà ông Thế đến ĐT 639 (Cửu Lợi Đông) QĐ số: 456/QĐ-UBND, ngày 27/09/2024 BT 2024 Tuyến Hà Huy tập-ĐT639, Thế -ĐT639	2024-2025	145,839		145,839	64,815	81,024	81,024			81,024
54	Bê tông GTNT năm 2024 Tuyến nhà ông Gia đến ông Đô, từ nhà ông Cư đến bê tông chợ Cầu, từ cầu Dân Sinh đến nhà bà Mạnh (Cửu Lợi Tây)	2024-2025	161,741		161,741	72,896	88,845	88,845			88,845
55	Xây dựng các đèn trong khuôn viên Nghĩa trang liệt sĩ phường Tam Quan Nam	2024	816,180		814,032	-	100,000	100,000			100,000

STT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026				
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn		
									Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp	Nguồn thu tiền sử dụng đất
56	Xây dựng các vòm đèn hoa khu hành chính phường	2024-2025	1.145,472		1.051,113	-	100,000	100,000			100,000
57	Xây dựng Vòm đèn hoa đường Huỳnh Triếp	2024-2025	624,310		590,054	-	100,000	100,000			100,000
58	Xây dựng bê tông khuôn viên chợ Ân	2025	325,953		325,953	-	100,000	100,000			100,000
59	Di dời hệ thống điện Mai Xuân Thượng (Lý trình: Ông Có đến ông Lộc)	2025	267,199		251,087	-	100,000	100,000			100,000
60	Nâng cấp, cải tạo sân nền nhà văn hóa khu phố Cửu Lợi Nam, Cửu Lợi Tây, Tăng Long 2, sân nền bóng chuyền Trung Hóa	2024-2025	1.124,047		1.121,221	50,129	100,000	100,000			100,000
61	Tu bổ, chỉnh trang nhà văn hoá của 6 khu phố	2024-2025	1.163,915		1.068,376	-	100,000	100,000			100,000
62	Bê tông GTNT năm 2024 Tuyến Từ Cầu Bà Xạ Đến Cầu Bà Cừ (Trung Hóa)	2024-2025	211,984		153,549	70,553	82,996	82,996			82,996
63	Tu bổ, chỉnh trang UBND phường	2024-2025	1.050,730		1.047,965	-	100,000	100,000			100,000
64	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng công cộng tuyến đường Ý Lan, phường Hoài Thanh	2021	970,268		964,751	710,496	100,000	100,000			100,000
65	Tuyến đường từ nhà Hồng - Ao Cừ An Lộc 1	2017-2018	568,541		560,883	349,944	100,000	100,000			100,000
66	Tuyến đường từ Chợ - nhà Thành, An Dinh 1	2015	1.569,406		1.554,859	1.261,781	100,000	100,000			100,000
67	Tuyến đường từ Đốc Đổ đến cổng làng Văn hoá thôn An Lộc 2 xã Hoài Thanh	2017	4.129,008		4.129,008	3.959,011	169,997	169,997			169,997
68	Xây dựng Cầu Voi, xã Hoài Thanh	2016	796,090		768,784	729,390	39,394	39,394			39,394
69	Bê tông GTNT tuyến từ Nhà Hẹp - nhà Thơ Lâm Trúc 2	2015	300,485		308,244	288,985	19,259	19,259			19,259
70	Bê tông đường từ nhà Đồng (Nhị) nghĩa địa An Dinh 1	2015-2016	835,497		876,836	705,954	170,882	170,882			170,882
71	Bê tông Tuyến từ nhà Dương Chở-Nhà Vinh Lâm Trúc 2	2015-2016	559,098		554,843	526,776	28,067	28,067			28,067

STT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026				
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn		
									Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp	Nguồn thu tiền sử dụng đất
72	Sửa chữa Cầu Máng qua Bình Phú	2017-2018	208,143		202,828	198,237	4,591	4,591			4,591
73	Tuyến đường từ nhà Huấn đến nhà Hương Mỹ an 1	2017-2018	655,252		646,870	630,021	16,849	16,849			16,849
74	Bê tông GTNT Tuyến từ nhà Tùng Lâm Trường An 1 Nhà Lê Tám Lâm Trúc 2	2013-2014	1.512,780		1.559,297	1.288,487	100,000	100,000			100,000
75	Tuyến đường từ nhà Tần đến nhà Lê trường An 2	2019-2021	385,290		383,522	104,961	100,000	100,000			100,000
76	Tường rào công ngõ sân vận động Gò Đồng xã Hoài Thanh	2018-2019	642,444		635,758	326,622	100,000	100,000			100,000
77	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng từ cầu Mỹ An đến giáp xã Hoài hương	2019-2022	1.015,829		1.015,675	954,791	60,884	60,884			60,884
78	Tuyến đường từ Dốc Mỹ Hoà đến nhà Tân An Mỹ An 1	2020-2022	198,860		198,860	66,705	132,155	132,155			132,155
79	Khoan 02 giếng vùng ruộng Hóc Đá Bạc An Lộc 1, nạo vét tuyến mương Bàu Lát đến Sông Cạn An Lộc 1	2021	90,508		90,026	83,279	6,747	6,747			6,747
80	Trồng cây xanh tuyến đường Ý Lan, phường Hoài Thanh	2022-2024	216,347		215,159	210,100	5,059	5,059			5,059
81	Tuyến từ giáp Bàn sơ đến nghĩa địa An Lộc 2 (dài 260m); tuyến từ nhà Tổng đến nhà Kim An Lộc 1 (Dài 630m)	2020	387,748		226,753	163,995	62,758	62,758			62,758
82	Cứng hoá tuyến đường nội đồng từ Ao Từ đến Ngõ Nhậm - An Lộc 1	2022	119,326		119,273	103,375	15,898	15,898			15,898
83	Tuyến đường từ nhà Việt đến kênh N2 An Dinh 2, Tuyến đường từ Ngõ Nung đến Rộc xe An Dinh , tuyến đường từ trụ sở thôn đến nhà Ân An Lộc 1, tuyến đường từ nhà Bạc đến nhà Đạm An Lộc 1	2023	378,493		335,266	260,245	75,021	75,021			75,021
84	Tuyến đường Nhà Đợi đến nhà Đầu TA1, Tuyến đường từ nhà Dung đến nhà Cho TA1, Tuyến đường từ nhà Mọt đến nhà Nghè TA1, Tuyến đường từ nhà Vương đến nhà Vinh Trường An 1	2023	748,751		504,238	44,000	100,000	100,000			100,000
85	Mở rộng cứng hoá tuyến đường từ Gò Công đến cây xoài An Lộc 2	2023	234,543		211,614	197,275	14,339	14,339			14,339

STT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026				
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn		
									Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp	Nguồn thu tiền sử dụng đất
86	Tuyến đường từ nhà Siêng đến giáp Bàu Lưới Lâm Trúc 1; Tuyến từ ngõ Thỏ đến ngõ Dương Lâm Trúc 1; Tuyến đường từ Ngõ Gặp đến Giáp Bàu Lưới Lâm Trúc 1, Tuyến đường từ nhà Hiệu đến nhà Chế Rê Lâm Trúc 2, tuyến đường từ nhà Thư đến nhà Thạnh Lâm Trúc 2	2023	815,611		744,292	724,901	19,391	19,391			19,391
87	Tuyến đường Lê Trung Đình	2023	898,425		850,670	225,888	100,000	100,000			100,000
88	Tuyến đường từ Quán chuyển đến nhà Đào Thanh Vân Trường An 2, Tuyến đường từ nhà Bốn đến nhà Lợi	2023	518,995		477,839	121,339	100,000	100,000			100,000
89	Tuyến đường từ nhà Đầu đến nhà Thu An Lộc 2, Tuyến đường từ nhà Đứng đến nhà Điều An Lộc 2, Tuyến đường từ nhà Thức đến nhà Thanh Mỹ An 2	2023	347,827		308,202	80,995	100,000	100,000			100,000
90	Tuyến đường từ ngõ Tài đến ngõ Tồn An Dinh 2, Tuyến đường từ ngõ Niên đến ngõ Đề An Dinh 2; Tuyến đường từ ngõ Hết đến ngõ Đò An Dinh 2	2023	288,575		225,882	62,645	100,000	100,000			100,000
91	Tuyến đường từ nhà Lân đến nhà Diệm Lâm Trúc 1, Tuyến đường từ nhà Sinh đến nhà Nam Lâm Trúc 1; Tuyến đường từ Ngõ Huấn đến ngõ Thiết Lâm Trúc 1; Tuyến đường từ nhà Huỳnh Thê đến kênh N2 An Lộc 1; Tuyến đường từ nhà Đợi đến nhà Khâu Trường An 2	2023	666,500		611,325	157,092	100,000	100,000			100,000
92	Tuyến nhà Lân - nhà Thư; Tuyến nhà Lĩnh - nhà Chức; Tuyến nhà Hào - xưởng cưa Linh; Tuyến ngõ Dung - nhà Phụng; Tuyến ngõ Ninh - đất Lượng	2024	912,148		858,019	214,231	100,000	100,000			100,000
93	Tuyến nhà Cường - đất Phương; Tuyến nhà Trị - nhà Minh; Tuyến nhà Trục - nhà Hùng; Tuyến nhà Quang - nhà Tinh; Tuyến nhà Tiên - Hoài Xuân	2024	787,899		742,239	175,341	100,000	100,000			100,000
94	Tuyến ngõ Đồng- chợ Bãi; Tuyến ngõ Tốt – ngõ Đồi; Tuyến ngõ Thi – ngõ Giàu; Tuyến ngõ Phin – đất Tân; Tuyến ngõ Thiết – ngõ Ánh; Ngõ Huấn – ngõ Thiết (nói dài)	2024	731,801		691,962	164,674	100,000	100,000			100,000

STT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026				
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn		
									Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp	Nguồn thu tiền sử dụng đất
95	Tuyển nhà Hớn - Sông Cạn; Tuyển nhà Linh - nhà Tranh; Tuyển nhà Thương - nhà Phái; Tuyển nhà Đậu - nhà Lợi; Tuyển nhà Trọng - nhà Định; tuyển nhà Đạt - nhà Dây; Tuyển ngõ Chợ - giáp Thanh Minh; Tuyển nhà Thương - nhà Thu	2024	785,112		729,634	172,226	100,000	100,000			100,000
96	Tuyển nhà Đồ - nhà Quang; Tuyển nhà Xi - nhà Dăng; Tuyển nhà Tường niêm - nhà Lạc; Tuyển nhà Tịnh - nhà Đạo; Tuyển trụ sở khu phố - nhà Thừa; Tuyển nhà Âm - nhà Rạng	2024	890,670		832,337	200,875	100,000	100,000			100,000
97	Nâng cấp, cứng hóa tuyến đường nội đồng từ Gò Mật đến giáp kênh N2	2023	164,177		154,135	125,400	28,735	28,735			28,735
98	San lấp mặt bằng và mở rộng tuyến đường vào khu di tích Địa đạo Gò Quánh	2021	259,475		251,767	-	100,000	100,000			100,000
99	Nâng cấp tuyến đường Võ từ giáp đường Võ Nguyên Giáp đến bờ biển khu phố Lâm Trúc 1	2023	401,388		397,033	320,000	77,033	77,033			77,033
100	Nhà văn hoá thể thao - Khu phố Trường An 2	2022	777,613		786,478	615,649	100,000	100,000			100,000
101	Nhà Văn hoá thể thao Khu phố Mỹ An 2	2022	883,507		873,912	637,164	100,000	100,000			100,000
102	Trường Mẫu giáo Hoài Thanh; Hạng mục: Tường rào cổng ngõ	2017	362,862		358,120	347,735	10,385	10,385			10,385
103	Tường rào, cổng ngõ UBND xã Hoài Thanh	2018-2020	1.085,290		1.071,387	850,000	100,000	100,000			100,000
104	Sửa chữa trụ sở làm việc UBND xã Hoài Thanh	2018-2023	721,105		691,690	629,372	62,318	62,318			62,318
105	Nhà văn hoá thể thao thôn Lâm trúc 2, xã Hoài Thanh	2018-2019	670,403		648,844	595,909	52,935	52,935			52,935
106	Nhà văn hóa Thể thao khu phố An Dinh 1	2023	1.129,145		1.067,693	863,329	100,000	100,000			100,000
107	Lát gạch nền nhà làm việc BCH quân sự xã Hoài Thanh	2020-2022	150,360		150,250	40,000	110,250	110,250			110,250
108	Cải tạo vỏ mộ Nghĩa Trang Liệt sĩ phường	2020-2021	1.562,107		1.553,603	1.483,602	70,001	70,001			70,001

STT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026				
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn		
									Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp	Nguồn thu tiền sử dụng đất
109	Di dời tuyến điện 22kv	2020	456,829		405,636	12,911	100,000	100,000			100,000
110	San nền nhà văn hoá Lâm Trúc 2	2021	108,972		100,657	-	100,657	100,657			100,657
111	San lấp mặt bằng Phía Bắc Chợ Gò Dưa phường Hoài Thanh	2022	199,392		180,094	30,165	149,929	149,929			149,929
112	San lấp mặt bằng nhà văn hoá An Dinh 1	2023	134,359		110,402	104,402	6,000	6,000			6,000
113	San lấp mặt bằng khu dân cư năm 2022, Hạng mục: Khu dân cư phường Hoài Thanh (khu phố Mỹ An 2)	2023	1.253,151		918,922	598,394	100,000	100,000			100,000
114	Nhà văn hoá thể thao khu phố An Lộc 1	2023	1.078,700		1.024,873	819,820	100,000	100,000			100,000
115	Nhà văn hóa - thể thao khu phố Mỹ An 1	2023	1.133,231		1.071,264	953,199	118,065	118,065			118,065
116	San lấp mặt bằng khu dân cư năm 2020 (Khu phố mỹ An 1)	2023	249,256		234,842	124,435	110,407	110,407			110,407
117	Nạo vét bèo tuyến sông cạn phục vụ sản xuất	2024	62,072		56,902	44,500	12,402	12,402			12,402
118	Nhà Bảo vệ, sân nền và điện chiếu sáng phường Hoài Thanh năm 2024	2024	1.050,853		983,724	141,125	100,000	100,000			100,000
119	Nhà Văn hoá Khu phố An Lộc 2	2024	1.125,768		942,026	-	100,000	100,000			100,000
120	Tường rào nhà văn hoá Trường An 2	2024	216,724		204,590	109,024	95,566	95,566			95,566
121	Xây dựng đường cờ, pano tuyên truyền năm 2024	2024	195,990		183,525	152,593	30,932	30,932			30,932
122	Lắp đặt hệ thống thoát nước khu dân cư Mỹ An 2	2024	173,547		163,719	-	100,000	100,000			100,000
123	Khu dân cư ngõ Việt, ao Xiêm khu phố An Lộc 2 HM: San lấp mặt bằng KDC Nam chợ Gò Dưa	2024	1.475,657		1.007,308	-	100,000	100,000			100,000
II	Danh mục công trình chuyển tiếp sang năm 2026		451.549,772	-	207.087,187	197.349,633	12.000,000	5.313,052	2.610,000	-	9.390,000

STT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026				
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn		
									Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp	Nguồn thu tiền sử dụng đất
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 1 (Năm Tân) đến ĐT.639, tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 1 (Chợ Bông) đến ĐT.638 và tuyến đường từ cầu Chui Quốc lộ 1 cũ (Hoài Châu Bắc) đến đường bê tông Trường Xuân Đông (Tam Quan Bắc), thị xã Hoài Nhơn	2021-2026	240.615,697		155.304,209	151.060,154	1.000,000	1000,000	300,000		700,000
2	Tuyến đường Cửu Lợi, phường Tam Quan Nam, thị xã Hoài Nhơn	2024-2026	44.805,277		31.972,153	30.291,706	500,000	500,000			500,000
3	Trường Tiểu học số 2 Tam Quan Nam; Hạng mục: Xây dựng nhà hiệu bộ và nhà bộ mô 02 tầng 08 phòng	2025-2027	12.927,306		493,052	-	500,000	493,052	500,000		0,000
4	Khu dân cư ngã ba Thái Lợi và Cửu Lợi	2025-2026	20.423,705		3.500,000	3.500,000	1.500,000				1500,000
5	Khu dân cư Bàu Muống, khu phố Ngọc An Trung (giai đoạn 1)	2024-2026	48.731,107		2.000,000	700,000	1.500,000	1300,000			1500,000
6	Khu dân cư Ngô Việt - Ao Xiêm khu phố An Lộc 2 (giai đoạn 2)	2025-2027	21.350,000		1.500,000	1.500,000	1.500,000				1500,000
7	Khu dân cư Rộc Sài, khu phố Mỹ An 2	2025-2027	10.441,560		1.000,000	1.000,000	1.000,000				1000,000
8	Khu dân cư khu phố Tăng Long 1 - giai đoạn 2	2025-2027	26.409,460		5.500,000	5.500,000	1.000,000				1000,000
9	Khu dân cư phía Bắc lô A9, tuyến đường Thái Lợi	2025-2027	3.835,520		1.500,000	1.500,000	500,000				500,000
10	Xây dựng điện chiếu sáng tuyến đường cầu bà Xạ đến bà Hoãn và tuyến đường Mai Xuân Thường (đoạn còn lại)	2025-2026	1.127,198		170,000	170,000	200,000		200,000		0,000
11	Lát đá granite vỉa hè tuyến đường Quang Trung	2025-2027	11.142,764		1.700,000	400,000	1.500,000	1300,000	1000,000		500,000
12	Chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật tuyến đường Phan Đình Phùng và tuyến đường Huyện Trần Công Chúa (đọc bờ kè sông Xương)	2025-2026	5.730,000		900,000	180,000	1.000,000	720,000	510,000		490,000
13	Đầu tư hệ thống cấp nước sinh hoạt các tuyến nhánh, rẽ trên địa bàn phường	2025-2027	2.250,718		1.247,773	1.247,773	100,000		100,000		0,000
14	Nạo vét dọc sông Xương	2025-2026	1.759,460		300,000	300,000	200,000				200,000
III	Danh mục công trình khởi công mới năm 2026		134.426,400	-	-	-	13.500,000	-	900,000	-	12.600,000

STT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026				
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn		
									Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp	Nguồn thu tiền sử dụng đất
1	Hạ tầng kỹ thuật đường Lê Đại Hành (đoạn từ cầu Dừa đến Ao Cát khu phố Ngọc An Đông)	2026-2027	7.205,477				800,000				800,000
2	Nâng cấp mở rộng tuyến đường Phùng Hưng (khu phố Bình Phú)	2026-2028	15.000,000				700,000				700,000
3	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng tuyến đường Mai Xuân Thưởng (đoạn từ nhà bà Đám đến công thủy lợi)	2026-2028	4.500,000				300,000				300,000
4	Xây dựng mới cầu Ông Quận	2026-2027	1.800,000				300,000				300,000
5	Nâng cấp, sửa chữa và mở rộng cầu Chợ Cầu, thuộc tuyến đường Cửu Lợi	2026-2027	5.500,000				300,000				300,000
6	Thảm bê tông nhựa tuyến đường Phan Đình Phùng	2026-2027	2.200,000				300,000				300,000
7	Thảm bê tông nhựa tuyến đường Huyền Trân Công Chúa	2026-2027	2.500,000				300,000				300,000
8	Trường Tiểu học số 2 Tam Quan Nam; Hạng mục: Nhà ăn bán trú	2026-2027	688,000				100,000		100,000		0,000
9	Trường Tiểu học số 1 Tam Quan Nam; Hạng mục: Cải tạo, nâng tầng 03 phòng học và sửa chữa 02 dãy phòng học	2026-2027	2.800,000				300,000		300,000		0,000
10	Trường THCS Hoài Thanh; Hạng mục: Sửa chữa dãy 10 phòng học	2026-2027	1.000,000				200,000		200,000		0,000
11	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc phường Hoài Nhơn (giai đoạn 2)	2025-2026	2.135,736				300,000		300,000		0,000
12	Khu dân cư khu phố Ngọc An Trung (sân bãi Ngọc An)	2025-2027	2.000,000				300,000				300,000
13	Khu dân cư rộng Hồ, khu phố Ngọc Sơn Bắc	2025-2027	8.300,000				1.200,000				1200,000
14	Khu dân cư trước nhà ông Nguyễn Cát, khu phố Ngọc An Trung	2025-2027	12.900,000				1.500,000				1500,000
15	Khu dân cư kè sông Xương, khu phố Tài Lương 1 (giai đoạn 2)	2026-2027	30.000,000				2.000,000				2000,000
16	Khu dân cư phía Đông khu tái định cư số 8, khu phố Ngọc Sơn Bắc	2026-2027	12.000,000				1.000,000				1000,000
17	Khu dân cư khu phố An Lộc 2 (phía Nam Nguyễn Huy Lương)	2026-2027	4.000,000				1.000,000				1000,000

STT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026				
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn		
									Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp	Nguồn thu tiền sử dụng đất
18	Các điểm dân cư riêng lẻ trên địa bàn phường (các điểm trường dôi dư và một số điểm dân cư riêng lẻ)	2026-2027	1.000,000				200,000				200,000
19	Nghĩa trang nhân dân Hoài Thanh, phường Hoài Nhơn (giai đoạn 1)	2026-2027	5.000,000				700,000				700,000
20	Mở rộng nghĩa trang nhân dân khu phố Ngọc An Tây	2026-2027	2.000,000				300,000				300,000
21	Xây dựng chữ trang trí núi Hòn Đền, phường Hoài Nhơn	2026-2027	8.797,187				700,000				700,000
22	Xây dựng điện chiếu sáng các tuyến đường khu phố Cửu Lợi Đông	2026-2027	1.000,000				200,000		-		200,000
23	Trồng cây xanh tuyến đường Đoàn Tinh	2026-2027	600,000				200,000		-		200,000
24	Đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời tại trụ sở làm việc phường Hoài Nhơn	2026-2027	1.500,000				300,000		-		300,000
IV	Danh mục công trình chuẩn bị đầu tư và lập quy hoạch năm 2026		659.898,305	-	-	-	4.000,000	-	-	-	4.000,000
IV.1	Danh mục các dự án lập quy hoạch		8.148,305	-	-	-	1.500,000	-	-	-	1.500,000
*	Danh mục trả nợ dự án lập quy hoạch hoàn thành		2.567,305	-	-	-	800,000	-	-	-	800,000
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nghĩa trang nhân dân phường Hoài Thanh	2024-2025	854,161				200,000				200,000
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư ngõ Việt - Ao Xiêm khu phố An Lộc 2 và khu dân cư khu phố An Lộc 2	2024-2025	600,755				200,000				200,000
3	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư phía Tây khu dân cư đường Võ Nguyên Giáp khu phố Lâm Trúc 2	2024-2025	559,460				200,000				200,000
4	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Bàu Muông, khu phố Ngọc An Trung, phường Hoài Thanh Tây	2022-2023	552,929				200,000				200,000
*	Danh mục lập quy hoạch mới		5.581,000				700,000				700,000
1	Quy hoạch tổng mặt các điểm trường Mầm non		298,000								
2	Quy hoạch tổng mặt các điểm trường Tiểu học		333,000								

STT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026				
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn		
									Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp	Nguồn thu tiền sử dụng đất
3	Quy hoạch tổng mặt các điểm trường Trung học cơ sở		308,000								
4	Quy hoạch tổng mặt Trung tâm hành chính phường Hoài Nhơn		240,000								
5	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư khu phố Ngọc Sơn Nam (Gò ông Kề)		917,000								
6	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trung tâm thể dục thể thao, Trường THPT và khu dân cư phụ cận		1.075,000								
7	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Công viên văn hóa, dịch vụ du lịch vườn dừa		917,000								
8	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu di tích lịch sử cấp quốc gia Đền thờ Danh nhân văn hóa Đào Duy Từ		576,000								
9	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư khu phố Tăng Long 1 (gần quán cà phê Sao Đêm)		917,000								
IV.2	Dự án, công trình chuẩn bị đầu tư		651.750,000	-	-	-	2.500,000	-	-	-	2.500,000
*	Lĩnh vực công trình giao thông		184.000,000				1.000,000				1.000,000
1	Tuyến đường kết nối từ ĐT.639 hướng ra biển (đoạn kết nối ĐT.639 giáp đường Võ Nguyên Giáp, khu phố Tăng Long 2)		28.500,000								
2	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Trần Quang Khanh		25.500,000								
3	Tuyến đường kết nối từ đường Bà Triệu đến đường Phùng Hưng		130.000,000								
4	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn trên địa bàn phường										
*	Lĩnh vực công trình hạ tầng đô thị và phát triển quỹ đất		338.750,000				1.000,000				1.000,000
1	Khu dân cư khu phố Tài lương 4 (Gần cây xăng dầu Hữu Nghị)		15.000,000								
2	Khu dân cư khu phố Tài Lương 3 (đường Trần Đức Hòa)		6.500,000								

STT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026				
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn		
									Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp	Nguồn thu tiền sử dụng đất
3	Khu dân cư khu phố Ngọc Sơn Nam (Gò ông Kề)		130.000,000								
4	Khu dân cư phía Tây khu dân cư đường Võ Nguyên Giáp khu phố Lâm Trúc 2		35.000,000								
5	Khu dân cư khu phố Tăng Long 1 (gần quán cà phê Sao Đêm)		150.000,000								
6	Đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt các tuyến đường nhánh, rẽ		2.250,000								
*	Lĩnh vực công trình Văn hóa - giáo dục - hành chính		29.000,000				300,000				300,000
1	Trường Mầm non Tam Quan Nam; Hạng mục: Nâng cấp, xây dựng nhà hiệu bộ và nhà bộ môn		13.000,000								
2	Trường Tiểu học số 2 Hoài Thanh; Hạng mục: Xây dựng nhà lớp học		7.000,000								
3	Trường THCS Hoài Thanh Tây; Hạng mục: Xây dựng nhà bộ môn		9.000,000								
*	Lĩnh vực công trình Nông nghiệp và phát triển nông thôn		100.000,000				200,000				200,000
1	Kè chống sạt lở sông Xương (giai đoạn 2)		100.000,000								